

# MẪU NHÃN



<b>NOWORM 100</b>			<b>NOWORM 100</b>	
<b>NOWORM 100</b>			<b>NOWORM 100</b>	
		<b>NOWORM 100</b>	<b>NOWORM 100</b>	
Albendazol 20mg/ml Hộp 5 ống x 10 ml			Thành phần: Mỗi ml có chứa: Albendazol.....20 mg Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Xem tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo. Bảo quản: Bảo quản trong bao bì kín, tránh ẩm, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS	
		<b>NOWORM 100</b>	ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG ĐỂ XA TÂM TAY TRẺ EM KHÔNG ĐƯỢC TIÊM LẮC KỸ TRƯỚC KHI DÙNG	
Hỗn dịch uống			Mã vạch (nếu có)	
		Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội		

<b>NOWORM 100</b>		<b>NOWORM 100</b>	
<b>NOWORM 100</b>		<b>NOWORM 100</b>	
<ul style="list-style-type: none"><li>• Albendazol 20mg/ml</li><li>• Hộp 10 ống x 10 ml</li></ul>	<p>Mỗi ống có chứa: Albendazol ..... 20 mg</p> <p>Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Xem tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.</p> <p>Bảo quản: Bảo quản trong bao bì kín, tránh ẩm, tránh ánh sáng nhiệt độ dưới 22°C</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS</p>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Albendazol 20mg/ml</li><li>• Hộp 10 ống x 10 ml</li></ul>	<p><b>NOWORM 100</b></p> <p>ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG ĐỂ XẢ TÂM TAY THÌ SẴN KHÔNG ĐƯỢC TIÊM LẮC KỸ TRƯỚC KHI DÙNG</p> <p>SĐM: LÀ SX: NSX: dd.mm.yy HĐ: dd.mm.yy</p> <p>Mã vạch (nếu có)</p> <p>NHÀ SẢN XUẤT:</p>  Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC Hà Nội Đường Nguyễn Văn Linh Phường, xã Văn Bình Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
   <b>Hỗn dịch uống</b>		   <b>Hỗn dịch uống</b>	

<b>NOWORM 100</b>			
			
<b>NOWORM 100</b>  <ul style="list-style-type: none"><li>● Albendazol 20mg/ml</li><li>● Hộp 20 ống x 10 ml</li></ul>  <b>Hỗn dịch uống</b>	<b>NOWORM 100</b> Mỗi ml có chứa: Albendazol: ..... 20 mg Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Xem tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo. Bảo quản: Bảo quản trong bao bì kín, tránh ẩm, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C. Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS	<b>NOWORM 100</b>  <ul style="list-style-type: none"><li>● Albendazol 20mg/ml</li><li>● Hộp 20 ống x 10 ml</li></ul>  <b>Hỗn dịch uống</b>	<b>NOWORM 100</b> ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG ĐỂ XA TÂM TAY TRÉ EM KHÔNG ĐƯỢC TIÊM LẮC KỸ TRƯỚC KHI DÙNG SD/C: Số lô SX: <input type="text"/> Mã vạch (nếu có) NSX: dd.mm.yy HD: dd.mm.yy Nhà sản xuất:  Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

10 ml



**Noworm 100**

Albendazol 20mg/ml

NSX: CT CPDP CPC1 Hà Nội

Không được tiêm  
**HỖN DỊCH UỐNG**



Số lô SX, Hạn dùng được dập trực tiếp ở đáy ống dưới dạng:  
LSX nmmmy  
HD dd.mm.yy



<h1>NOWORM 100</h1>	<h1>NOWORM 100</h1>	<h1>NOWORM 100</h1>	<h1>NOWORM 100</h1>
<h1>NOWORM 100</h1>  <ul style="list-style-type: none"><li>• Albendazol 20mg/ml</li><li>• Hộp 5 lọ 20 ml</li></ul>    <p>Hỗn dịch uống</p>	<p>Thành phần: Mỗi ml có chứa: Albendazol ..... 20 mg Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Xem tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo. Bảo quản: Bảo quản trong bao bì kín, tránh ẩm, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30 °C. Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS.</p>	<h1>NOWORM 100</h1>  <ul style="list-style-type: none"><li>• Albendazol 20mg/ml</li><li>• Hộp 5 lọ 20 ml</li></ul>    <p>Hỗn dịch uống</p>	<p>ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG ĐỂ XA TÀN TAY TRẺ EM KHÔNG ĐƯỢC TIÊM LẮC KỸ TRƯỚC KHI DÙNG</p> <p>SDK: Số lô SX: NSX: dd/mm/yy HD: dd/mm/yy</p> <p>Mã vạch (nếu có)</p> <p>Nhà sản xuất:  Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội Đường Nguyễn Trãi - Quận Hoàng Mai - Hà Nội, Huyện Thượng Tin - Hà Nội.</p>

<h1>NOWORM 100</h1>			
<h2>NOWORM 100</h2>  <ul style="list-style-type: none"><li>• Albendazol 20mg/ml</li><li>• Hộp 10 lọ 20 ml</li></ul>    <p>Hỗn dịch uống</p>	<h2>NOWORM 100</h2>	<h2>NOWORM 100</h2>  <ul style="list-style-type: none"><li>• Albendazol 20mg/ml</li><li>• Hộp 10 lọ 20 ml</li></ul>    <p>Hỗn dịch uống</p>	<h2>NOWORM 100</h2> <p>ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG ĐỂ XÀ TÀM TAY TRẺ EM KHÔNG ĐƯỢC TIÊM LẮC KỸ TRƯỚC KHI DÙNG</p> <p>SDK: Số lô SX: NSX: dd/mm/yy HĐ: dd/mm/yy</p> <p>Mã vạch (nếu có)</p> <p>Nhà sản xuất:  Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội Cụm công nghiệp Hà Bình Thượng, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội</p>
			

<h1>NOWORM 100</h1>			
<h2>NOWORM 100</h2>  <ul style="list-style-type: none"><li>Albendazol 20mg/ml</li><li>Hộp 20 lọ 20 ml</li></ul>  <p>Hỗn dịch uống</p>	<h2>NOWORM 100</h2> <p>Thành phần: Mỗi ml có chứa: Albendazol 20 mg</p> <p>Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Xem tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.</p> <p>Bao quản: Bảo quản trong bao bì kín, tránh ẩm, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS</p>	<h2>NOWORM 100</h2>  <ul style="list-style-type: none"><li>Albendazol 20mg/ml</li><li>Hộp 20 lọ 20 ml</li></ul>  <p>Hỗn dịch uống</p>	<h2>NOWORM 100</h2> <p>ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG ĐỂ XA TÂM TAY TRẺ EM KHÔNG ĐƯỢC TIÊM LẮC KỸ TRƯỚC KHI DÙNG</p> <p>SĐK: Số lô SX: NSX: dd/mm/yy HD: dd/mm/yy</p> <p>Mã vạch (nếu có)</p> <p>Mũi nhọn sắc:  Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội  Đơn vị sản xuất: Hà Nội (Thương mại Việt Nam), huyện Thường Tín, tỉnh Hà Nội</p>



Hỗn dịch uống

# NOWORM100

Thành phần:  
Mỗi ml có chứa:  
Albendazol.....20 mg

**Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác:**  
Xem tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.

**Bảo quản:** Bảo quản trong bao bì kín, tránh ẩm, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C

**Tiêu chuẩn chất lượng:**  
TCCS

• Albendazol 20mg/ml

**Lọ 20 ml**

**ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG ĐỂ XA TÂM TAY TRẺ EM KHÔNG ĐƯỢC TIÊM LẮC KỸ TRƯỚC KHI DÙNG**

SĐK:  
Số lô SX:  
NSX: dd.mm.yy  
HD: dd.mm.yy

**Mã vạch (nếu có)**

Nhà sản xuất:



Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội  
Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình,  
huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội



# TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



# NOWORM 100

Albendazol 20mg/ml

Để xa tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng



## Thành phần

Mỗi ml chứa:

Thành phần hoạt chất: Albendazol 20 mg

Thành phần tá dược: Propylen glycol, xanthan gum, polysorbat 80, citric acid monohydrat, natri saccharin, natri benzoat, potassium sorbat, natural flavor A1385617, nước tinh khiết.

**Dạng bào chế:** Hỗn dịch uống

Mô tả: Hỗn dịch đục hoặc hơi đục, khi lắc nhẹ dược chất rắn phân tán đều trong nước, màu trắng đến hơi vàng, hương vị hoa quả.

pH: 3,5-6,5

## Chỉ định

+ Nhiễm trùng đường ruột và da: Giun kim, giun đũa, giun móc/giun mò, giun tóc, giun lươn, sán dây, nhiễm trùng Giardias

+ Nhiễm trùng toàn thân: giun xoắn

## Liều dùng và cách dùng

Liều dùng:

Chỉ định	Liều dùng	Thời gian điều trị
<i>Nhiễm trùng đường ruột và da (điều trị ngắn hạn ở liều thấp hơn)</i>		
Giun kim	Trẻ 1-2 tuổi: 10ml Người lớn và trẻ > 2 tuổi: 20ml	1 liều duy nhất và có thể lặp lại sau 7 ngày
Giun đũa, giun móc/mò, giun tóc	Trẻ 1-2 tuổi: 10ml Người lớn và trẻ > 2 tuổi: 20ml	1 liều duy nhất
Giun lươn, sán dây	Người lớn và trẻ > 2 tuổi: 20ml	1 liều hằng ngày, dùng trong 3 ngày liên tiếp
Nhiễm trùng Giardias	Trẻ > 2 tuổi: 20ml	1 liều hằng ngày, dùng trong 5 ngày
<i>Nhiễm trùng toàn thân (điều trị lâu dài ở liều cao hơn)</i>		
Giun xoắn	Trẻ em: 15mg/kg/ngày chia 2 lần. Không quá 800 mg/ngày Người lớn: 40ml/lần x 2 lần/ngày	Dùng vào buổi sáng và tối từ 10-15 ngày tùy thuộc mức độ nghiêm trọng của triệu chứng và tiền sử của việc điều trị

## Cách dùng

Lắc đều trước khi dùng

Sử dụng cốc đong trong lọ để lấy lượng thuốc phù hợp.

Không cần thiết phải nhịn ăn trước khi uống thuốc.

Trong điều trị nhiễm giun xoắn toàn thân, albendazol nên được dùng trong bữa ăn.



## **Chống chỉ định**

Không nên sử dụng albendazol cho phụ nữ có thai, nghi ngờ có thai và đang cho con bú.  
Mẫn cảm với bất kì thành phần nào của thuốc.

## **Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc**

### ***Triệu chứng thần kinh***

Albendazol có thể không điều trị được nang ấu trùng sán lợn trong hệ thần kinh trung ương mắc từ trước, đặc biệt là ở những khu vực bị nhiễm sán cao. Bệnh nhân có thể gặp các triệu chứng thần kinh như co giật, tăng áp lực nội sọ và các dấu hiệu khu trú do phản ứng viêm khi các ký sinh trong não chết. Các triệu chứng có thể xảy ra ngay sau khi điều trị, khi đó nên điều trị bằng liệu pháp corticosteroid và thuốc chống co giật thích hợp

***Thận trọng khi sử dụng albendazol trong nhiễm trùng toàn thân (điều trị lâu dài với liều cao hơn):***

- ***Người cao tuổi***

Dữ liệu cho bệnh nhân từ 65 tuổi trở lên bị hạn chế. Báo cáo chỉ ra rằng không cần điều chỉnh liều ở người cao tuổi. Tuy nhiên, albendazol nên được sử dụng thận trọng ở bệnh nhân cao tuổi bị rối loạn chức năng gan.

- ***Suy gan***

Albendazol được chuyển hóa nhanh chóng ở gan, chất chuyển hóa chính albendazol sulfoxid có hoạt tính dược lý. Do đó, suy gan có thể có ảnh hưởng đáng kể đến dược động học của albendazol sulfoxid. Bệnh nhân có xét nghiệm chức năng gan bất thường trước khi bắt đầu điều trị bằng albendazol nên được theo dõi chặt chẽ. Nên ngừng điều trị nếu men gan tăng (hơn hai lần bình thường).

- ***Suy thận***

Tỷ lệ thải trừ albendazol và albendazol sulfoxid qua thận là không đáng kể do vậy không cần thiết phải chỉnh liều ở bệnh nhân suy giảm chức năng thận. Tuy nhiên, bệnh nhân suy thận nên được theo dõi chặt chẽ.

- ***Suy tủy***

Các trường hợp suy tủy đã được báo cáo trong quá trình điều trị nhiễm giun sán toàn thân (điều trị lâu dài, liều cao hơn). Xét nghiệm công thức máu nên được thực hiện khi bắt đầu điều trị và cứ hai tuần một lần trong mỗi chu kỳ 28 ngày.

Bệnh nhân mắc bệnh gan, bao gồm cả gan nhiễm *Echinococcosis*, dường như dễ bị suy tủy dẫn đến giảm cả hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu, ức chế tủy xương. Do đó, theo dõi công thức máu tăng cường được khuyến cáo ở những bệnh nhân mắc bệnh gan.

Nên ngưng sử dụng albendazol nếu số lượng tế bào máu giảm đáng kể.

- ***Tránh thai***

Trước khi bắt đầu điều trị bằng albendazol, bác sĩ phải thông báo cho bệnh nhân về nguy cơ gây độc cho phôi thai, gây quái thai của albendazol. Do vậy cần sử dụng các biện pháp tránh thai để ngăn ngừa hậu quả của albendazol với thai kì.

## **Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú**

### ***Phụ nữ có thai***

Các nghiên cứu trên động vật đã cho thấy tác dụng gây quái thai ở chuột và thỏ với liều tương tự như sử dụng ở người. Trên lâm sàng, dữ liệu về việc sử dụng albendazol trong ba tháng đầu của thai kì bị hạn chế. Albendazol chống chỉ định trong thai kỳ, đặc biệt vì có những lựa chọn thay thế trị liệu được đánh giá tốt hơn về mặt an toàn cho phụ nữ mang thai.

Bệnh nhân cần tham khảo ý kiến bác sĩ ngay lập tức trong trường hợp mang thai. Yếu tố này dựa trên mục tiêu giám sát trước sinh đối với dị tật động vật (xương, sọ, chân tay).

Điều trị bằng albendazol chỉ nên được bắt đầu sau khi thử thai âm tính. Phụ nữ có khả năng sinh con phải sử dụng biện pháp tránh thai hiệu quả trong quá trình điều trị và trong 6 tháng sau khi ngừng thuốc.

#### *Phụ nữ đang cho con bú*

Albendazol có trong sữa mẹ sau một liều 400 mg duy nhất. Do vậy, không thể loại trừ nguy cơ cho trẻ sơ sinh. Trong trường hợp dùng một liều duy nhất, nên ngừng cho con bú tại thời điểm sử dụng albendazol và trong ít nhất 5,5 lần thời gian bán thải (tức là khoảng 48 giờ) sau khi ngừng điều trị. Trước khi bắt đầu cho con bú, hãy rút bỏ tất cả sữa có sẵn. Nếu phải điều trị lặp lại albendazol, chống chỉ định cho con bú.

#### **Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc**

Không có nghiên cứu nào được thực hiện để đánh giá ảnh hưởng của albendazol đến khả năng lái xe hoặc sử dụng máy móc.

Khi lái xe hoặc sử dụng máy móc, cần lưu ý rằng chóng mặt đã được báo cáo sau khi sử dụng albendazol.

#### **Tương tác, tương kỵ của thuốc**

Ritonavir, thuốc chống động kinh, rifampicin có thể làm giảm nồng độ chất chuyển hóa có hoạt tính của albendazol là albendazol sulfoxid, trong huyết tương. Chưa biết rõ sự liên quan lâm sàng của tác động này, tuy nhiên đã thấy hiệu quả giảm, đặc biệt trong điều trị nhiễm giun sán toàn thân. Bệnh nhân nên được theo dõi hiệu quả và có thể phải thay thế mức liều điều trị hoặc thay thế liệu pháp điều trị.

#### **Tác dụng không mong muốn của thuốc**

Bảng tóm tắt các phản ứng có hại được phân nhóm theo tần suất: *rất thường gặp* (ADR  $\geq 1/10$ ), *thường gặp* ( $1/100 \leq \text{ADR} < 1/10$ ), *ít gặp* ( $1/1000 \leq \text{ADR} < 1/100$ ), *hiếm gặp* ( $1/10000 \leq \text{ADR} < 1/1000$ ); *rất hiếm gặp* ( $\text{ADR} < 1/10000$ ), hoặc không rõ (không thể ước tính được từ dữ liệu hiện có).

#### **Nhiễm trùng đường ruột và da** (điều trị trong thời gian ngắn và liều thấp hơn)

Hệ cơ quan	Ít gặp	Không rõ
Rối loạn hệ miễn dịch		Phản ứng quá mẫn bao gồm phát ban, ngứa và nổi mề đay
Rối loạn hệ thần kinh	Nhức đầu, chóng mặt	
Rối loạn tiêu hóa	Các triệu chứng tiêu hóa trên (đau vùng thượng vị hoặc đau bụng, buồn nôn, nôn) và tiêu chảy	
Rối loạn gan mật		Tăng men gan
Rối loạn da và mô dưới da		Ban đỏ đa hình, hội chứng Stevens - Johnson

**Nhiễm trùng toàn thân (điều trị lâu dài với liều cao hơn)**

Hệ cơ quan	Rất thường gặp	Thường gặp	Ít gặp	Không rõ
Rối loạn máu và hệ tạo máu				Giảm hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu. Giảm bạch cầu tủy, mất bạch cầu hạt
Rối loạn hệ miễn dịch			Phản ứng quá mẫn bao gồm phát ban, ngứa và nổi mề đay	
Rối loạn hệ thần kinh	Nhức đầu	Chóng mặt		
Rối loạn tiêu hóa		Rối loạn tiêu hóa (đau bụng, buồn nôn, nôn)		
Rối loạn gan mật	Tăng men gan		Viêm gan	
Rối loạn da và mô dưới da		Rụng tóc có hồi phục. (giảm độ dày của tóc, rụng tóc vừa phải)		Ban đỏ đa hình, hội chứng Stevens - Johnson
Rối loạn toàn thân và tại nơi dùng thuốc		Sốt		

**Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi dùng thuốc.**

**Đặc tính dược lực học**

Mã ATC: P02CA03

Nhóm tác dụng dược lý: Thuốc trị ký sinh trùng

Albendazol là một benzimidazol carbamat có hoạt tính diệt giun sán và động vật đơn bào chống lại các ký sinh trùng đường ruột và mô. Albendazol có hoạt tính diệt giun, trứng và ấu trùng nhờ ức chế phản ứng trùng hợp tubulin. Tác động này làm phá vỡ quá trình chuyển hóa của giun, làm cạn kiệt năng lượng của giun, làm bất động chúng và sau đó tiêu diệt chúng.

**Dược động học**

**Hấp thu**

Ở người albendazol rất ít được hấp thu qua đường uống (< 5%).

Tác dụng dược lý toàn thân của albendazol tăng lên nếu sử dụng trong bữa ăn nhiều chất béo vì chất béo làm tăng độ hấp thu thuốc khoảng 5 lần.

**Phân bố**

Sau khi uống liều đơn 400mg albendazol trong bữa ăn sáng, chất chuyển hóa có hoạt tính dược lý là albendazol sulfoxid đạt nồng độ trong huyết tương từ 1,6 đến 6,0 micromol/l.

### **Chuyển hóa**

Albendazol nhanh chóng được chuyển hóa bước một phần lớn ở gan và thường không phát hiện được trong huyết tương. Albendazol sulfoxid là chất chuyển hóa chính và được cho là đóng góp một nửa hiệu quả chống lại sự nhiễm ký sinh trùng mô toàn thân.

### **Thải trừ**

Thời gian bán thải trong huyết tương của albendazol sulfoxid là 8,5 giờ.

Albendazol sulfoxid và các chất chuyển hóa của nó được bài tiết chủ yếu qua mật, chỉ một phần nhỏ bài tiết qua nước tiểu.

### **Quá liều và cách xử trí:**

Trong trường hợp quá liều, nên điều trị triệu chứng và giám sát y tế.

### **Quy cách đóng gói:**

Ống 10 ml. Hộp 5 ống, 10 ống, 20 ống.

Lọ 20 ml. Hộp 5 lọ, 10 lọ, 20 lọ

**Bảo quản:** Bảo quản trong bao bì kín, tránh ẩm, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C.

Bảo quản trong điều kiện tránh ẩm, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C sau khi mở nắp lọ.

**Hạn dùng:** 30 tháng kể từ ngày sản xuất. 30 ngày sau khi mở nắp lọ

**Tiêu chuẩn chất lượng:** Tiêu chuẩn cơ sở

Nhà sản xuất



**Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội**

Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

BS2: 1/2025

